TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 170/2020/QĐST-HNGĐ	*Bình Tân, ngày 17 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1781/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Nguyễn Thị A – Sinh năm: 1970; Địa chỉ: Đường N, phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn B – Sinh năm: 1965; Địa chỉ: Đường N, phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Đại Hòa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 12 tháng 5 năm 1994 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Hà T, sinh ngày 14/06/1994 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phương X, sinh ngày 01/01/2003.

Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn B thỏa thuận giao cháu Nguyễn Phương X cho bà A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Phương X mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 3/2020 cho đến khi cháu Nguyễn Phương X đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bà Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn B chưa thi hành mức cấp dưỡng như trên thì hàng tháng ông Nguyễn Văn B còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Ông Nguyễn Văn B có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn B đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Cả hai xác định không có.

- Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn B cùng chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí bà A và ông B đã nộp theo biên lai số 0064361 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân. Bà A và ông B đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Hạnh